*Tuần 02 Ngày soạn: 06/09/2022*

*Tiết 04 Ngày dạy: 12/09/2022*

# Bài 4: PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ SỐ TỰ NHIÊN

**I.MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Nhận biết được số hạng, tổng; số bị trừ, số trừ, hiệu.

- Nhận biết được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí.

+ Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV**:Thước thẳng ; Bảng phụ.

**2 - HS** : Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp** (1phút) ; Sĩ số - tác phong

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**(5phút)

**a) Mục tiêu:**Giúp HS nhận thức nhu cầu sử dụng các phép tính cộng, trừ.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời

**c) Sản phẩm:** HS hình thành nhu cầu sử dụng phép tính cộng, trừ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

 **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV đặt vấn đề qua bài toán mở đầu hoặc một bài toán khác phù hợp với nội dung kiến thức “ Mai đi chợ mua cà tím hết 18 nghìn đồng, cà chua hết 21 nghìn đồng và rau cải hết 30 nghìn đồng. Mai đưa cho cô bán hàng tờ 100 nghìn đồng thì được trả lại bao nhiêu tiền?”

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

 **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

 **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Để giải được bài toán trên, cũng như hiểu rõ hơn về các tính chất của phép cộng, phép trừ, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay?” => Bài mới.

**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**(24 phút)

**Hoạt động 1: Phép cộng số tự nhiên**(12 phút)

**a) Mục tiêu:**

+ Giúp HS nhớ, nhận biết lại khái niệm số hạng, tổng và sử dụng được.

+ Minh họa phép cộng nhờ tia số.

+ Kiểm tra khả năng vận dụng phép cộng của HS.

+ Giúp HS hình thành thói quen quan sát, lập kế hoạch tính toán hợp lí.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**+ GV cho HS phát biểu về khái niệm cộng hai số tự nhiên.+ GV nêu ví dụ và cho HS áp dụng để tính toán:“ *Lớp 6A1 có 25 bạn nữ và 19 bạn nam. Hỏi lớp 6A1 có tổng cộng bao nhiêu bạn?*”+ GV phân tích và minh họa phép cộng bằng tia số. VD: Phép cộng 3 + 4 = 7 được minh họa như sau ( H1.6-SGK-tr15)+ GV yêu cầu HS áp dụng làm **Vận dụng 1****+** GV cho HS tự vẽ tia số minh họa cho bài toán **Vận dụng 1**+ GV cho HS tìm hiểu tính chất của phép cộng lần lượt theo các HĐ: **HĐ1; HĐ2** trong SGK.+ GV chia lớp thành 4 nhóm. Hai nhóm tiến hành **HĐ1** và **HĐ2**. Hai nhóm còn lại làm các HĐ tương tự với a = 35; b =41 ( **HĐ1**) và a = 15; b = 27; c =31 ( cho **HĐ2**)**HĐ1:** Cho a = 28 và b = 34a) Tính a + b và b + ab) So sánh kết quả nhận được ở câu a)**HĐ2**: Cho a = 17, b =21, c =35a) Tính (a + b) + c và a + (b + c)b) So sánh kết quả nhận được ở câu a).+ GV đặt câu hỏi: Các kết quả cho thấy phép cộng có những tính chất nào?=> GV khái quát ( quy nạp ) tới hai tính chất của phép cộng.+ GV lưu ý cho HS trong phần **Chú ý.****+** GV phân tích **Ví dụ** trong SGK tr16+ GV yêu cầu HS làm **Luyện tập 1****- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.+ GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại. | **1. Phép cộng số tự nhiên****a. Cộng hai số tự nhiên**+ Phép cộng hai số tự nhiên a và b cho ta một số tự nhiên gọi là tổng của chúng. **KH:** a + b+ Có thể minh họa phép cộng nhờ tia số.VD: 3 + 4 = 7*Vận dụng 1***:** Giải Diện tích gieo trồng lúa vụ Thu Đông năm 2018 của Đồng bằng sông Cửu Long là:713 200 + 14 500 = 727 700 ( ha) Đ/s: 727 700 ha.**b. Tính chất của phép cộng**Phép cộng số tự nhiên có các tính chất:Giao hoán: a + b = b + aKết hợp: (a + b) + c và a + (b + c)**\* Chú ý:** + a + 0 = 0 + a = a+ Tổng(a + b) + c hay a + (b + c) gọi là tổng của 3 số a, b, c và viết gọn là a + b + c.*Ví dụ:*  66 + 289 + 134 + 311= 66 + 134 + 289 + 311 ( tính chất giao hoán)= ( 66 + 134) + ( 289 + 311)( tính chất kết hợp)= 200 + 600= 800*Luyện tập 1* 117 + 68 + 23 = (117 + 23) + 68= 140 + 68 = 208 |

**Hoạt động 2: Phép trừ số tự nhiên**(12phút)

**a) Mục tiêu:**

+ Giúp HS nhớ, nhận biết lại và sử dụng được các thuật ngữ: số bị trừ, số trừ, hiệu.

+ Minh họa phép trừ nhờ tia số.

+ Củng cố kiến thức.

+ Giải quyết được bài toán mở đầu.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**+ GV cho HS thực hiện lần lượt các yêu cầu sau:Tính : a) 3 + 4 ; b) 7 – 4. \*HS rút ra nhận xét, GV khái quát lại.Áp dụng: 27 + 25 = 52. Tính 52 – 27.+ GV phán tích và minh họa phép trừ nhờ tia số.VD: 7 – 4 = 3 được minh họa như sau:+ GV lưu ý : Hình 1.8 cho thấy phép trừ 7 – 8 không thể thực hiện phép tính.=>**Chú ý**+ GV yêu cầu HS làm Luyện tập 2( GV gợi ý HS có thể đặt tính. Nhắc HS trước khi đặt tính cần xem phép trừ có thực hiện được không).+ GV yêu cầu HS làm **Vận dụng 2**: Giải bài toán mở đầu. ( phân tích, gợi ý tính tổng số tiền Mai phải trả)**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.+ GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại. | **2. Phép trừ số tự nhiên**+ Với hai số tự nhiên a, b đã cho, nếu có số tự nhiên c sao cho **a = b + c** thì ta có phép trừ **a – b = c**. + Có thể minh họa phép trừ nhờ tia số.VD: 7 - 4 = 3**\* Chú ý:**Trong tập hợp số tự nhiên, phép trừ a – b chỉ thực hiên được nếu a $\geq $b.*Luyện tập 2* 865 279 – 45 027= 820 252*Vận dụng 2:*  Giải:Tổng số tiền Mai phải trả là:18 + 21 = 39 ( nghìn đồng )Mai được trả lại số tiền là:100 - 39 = 61 ( nghìn đồng)Đ/s: 61 000 đồng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (8phút)

**a) Mục tiêu:**Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập:* **Bài 1.17 ; 1.18 ; 1.22**(a)/SGK

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án.*

**Bài 1.17 :**

a) 63 548 + 19 256 = 82804

b) 129 107 – 34 693 không thể thực hiện được trong tập số tự nhiên. Vì 129 107 < 34 693.

**Bài 1.18 :**Thay dấu hỏi bằng số6 789 ( sử dụng tính chất giao hoán của phép cộng)

**Bài 1.22 :**

a) 285 + 470 + 115 + 230 = (285 + 115) + (470 + 230) = 400 + 700 = 1100

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**(6phút)

**a) Mục tiêu:**Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để và khắc sâu kiến thức.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 1.20 (sgk)**

**Bài 1.20 :**

Dân số Việt Nam năm 2020 là :

96 462 106 + 876 473 = 97 338 579 ( người)

Đ/s : 97 338 579 người

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**(1phút)

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học.

- Hoàn thành nốt các bài tập và làm thêm Bài 1.19; 1.21; 1.22b(sgk)

- Chuẩn bị bài mới “ **Phép nhân và phép chia số tự nhiên**”

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Tuần 04 Ngày soạn: 06/09/2022*

*Tiết 11 Ngày dạy: 13/09/2022*

# BÀI 7: THỨ TỰ THỰC HIỆN CÁC PHÉP TÍNH

**I.MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

***-*** Nhận biết được khái niệm: Biểu thức, giá trị của biểu thức;

- Nắm được quy tắc về thứt tự thực hiện các phép tính trong biểu thức.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

**+** Tính được giá trị biểu thức số, biểu thức chữ bằng cách vận dụng các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính.

+ Lập được biểu thức tính kết quả của một số bài toán thực tiễn quen thuộc.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Máy tính cầm tay; máy chiếu ; máy vi tính.

**2 - HS** : Đồ dùng học tập và máy tính cầm tay.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**(4 phút)

**a) Mục tiêu:**

**+**Gây chú ý để HS quan tâm tới thứ tự thực hiện các phép tính.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và hoàn thành yêu cầu.

**c) Sản phẩm:** Nhận biết được kiến thức chuẩn bị tìm hiểu trong bài.

**d) Tổ chức thực hiện:**

 **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV yêu cầu hai HS thực hiện dãy tính 5 + 3 $×$ 2. Một HS thực hiện phép tính từ trái qua phải. Một HS thực hiện theo thứ tự ngược lại.

Sau khi hai HS cho kết quả, GV nhận xét và chỉ ra HS nào có kết quả như của Tròn, HS nào có kết quả như của Vuông.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý quan sát và lắng nghe , thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

 **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi 2 HS lên bảng, HS khác nhận xét, bổ sung.

 **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Muốn biết kết quả của bạn nào đúng, bạn nào sai. Tại sao bạn này đúng? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài” => Bài mới.

**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**(25phút)

**Thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức**

**a) Mục tiêu:**

+ Nhớ lại và nhận biết được một đối tượng đã cho có phải là biểu thức hay không.

+ Nhận biết và nắm được hệ thống các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính.

+ Kiểm tra khả năng nhận biết các kiến thức và vận dụng vào đời sống.

**b) Nội dung:** HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu và SGK, chú ý lắng nghe và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**

+ HS vận dụng được kiến thức vừa học và củng cố được kiến thức qua các ví dụ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**+ GV nhắc nhắc lại một cách ngắn gọn khái niệm biểu thức: *Gồm các phép toán cộng, trừ, nhân, chia và nâng lên lũy thừa của các con số hoặc chữ.*( GV không bắt HS học thuộc mà chỉ cần HS nhận biết được đối tượng cụ thể cho có phải là biểu thức không)+ GV dẫn dắt và phân tích hệ thống các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức: ( GV vừa giảng vừa bao quát lớp bảo đảm 100% ghi chép đầy đủ, chính xác.* Đối với biểu thức có dấu ngoặc

Nếu chỉ có phép cộng và phép trừ ( hoặc chỉ có phép nhân và phép chia) thì thực hiên các phép tính từ trái qua phải, chẳng hạn:* 52 – 8 + 11 = 44 + 11 = 55
* 60 : 10 × 5 = 30

Nếu có phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa thì ta thực hiện phép tính nâng lên lũy thừa trước, rồi đến nhân chia, cuối cùng đến cộng và trừ, chẳng hạn:* 10 + 2 . 42 = 10 + 2. 16

 = 10 + 32 = 42* Đối với biểu thức không có dấu ngoặc:

Nếu chỉ có một dấu ngoặc thì ta thực hiện phép tính trong dấu ngoặc trước. Chẳng hạn:* ( 10 + 17) : 9 = 27 : 9 = 3

Nếu có các dấu ngoặc tròn **( )** , dấu ngoặc vuông **[ ]**, dấu ngoặc nhọn **{ }** thì ta thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc tròn trước, rồi thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc vuông, cuối cùng thực hiện các phép tính trong dấu ngoặc nhọn. Chẳng hạn:* {15 + 2.[8-(5-3)]} : 9

= 15 + 2.[8-2]} : 9= {15 + 2.6} : 9= {15+12} :9= 27 : 9 = 3+ HS áp dụng quy tắc để giải phần **?** ( HS áp dụng quy tắc tính 5 + 3 . 2 rồi nhận xét cách tính của Tròn, Vuông) -> GV dùng phần mềm giả lập máy tính Casio fx – 570 Es Plus, nhập đúng biểu thức đã cho rồi nhấn phím “=” ( chiếu lên màn hình cho HS quan sát)=> Kết luận MTCT cũng vận dụng đúng quy tắc.+ GV gợi ý và hướng dẫn cho HS giải **Ví dụ** trong SGK-tr26. ( HS tự giải trong 5p sau đố trình bày bài chữa -> GV chữa lại, chú ý cho HS cách trình bày chi tiết, ngắn gọn để HS vận dụng trong các BT tương tự.)+ GV mời 2 HS làm **Luyện tập 1**, dưới lớp hoàn thành vào vở. + HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành phần **Vận dụng.**+ HS thảo luận hoàn thành **Luyện tập 2** ( GV có thể gọi 1 HS đứng trả lời tại chỗ).**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.+ GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại. | **1. Thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức****-** Với các biểu thức không có dấu ngoặc: **Lũy thừa**$\rightarrow $**Nhân và chia**$\rightarrow $**Cộng và trừ****VD:** * 52 – 8 + 11 = 44 + 11 = 55
* 60 : 10 × 5 = 30
* 10 + 2 . 42 = 10 + 2. 16

 = 10 + 32 = 42- Với các biểu thức có dấu ngoặc: trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau:**( )** $\rightarrow $ **[ ]** $\rightarrow $ **{ }****VD:** * ( 10 + 17) : 9 = 27 : 9 = 3
* {15 + 2.[8-(5-3)]} : 9

= 15 + 2.[8-2]} : 9= {15 + 2.6} : 9= {15+12} :9= 27 : 9 = 3***?***Bạn Vuông làm đúng theo quy ước. Vì thứ tự thực hiện phép tính là nhân chia trước, cộng trừ sau.*Ví dụ:*a) 8 + 36 : 3 . 2 = 8 + 12 . 2 = 8+ 24 = 32b) [ 1 + 2 . ( 5 . 3 – 23)] . 7= [1 + 2. (5 . 3 – 8)] . 7= [1 + 2. (15 – 8)] . 7= [1 + 2.7]. 7= [1 + 14] . 7 = 15.7 = 105*Luyện tập 1:*a) 25. 23 – 32 + 125= 25 . 8 – 9 + 125= 200 - 9 + 125= 191 + 125= 316b) 2 . 32 + 5.( 2+3)= 2 . 9 + 5 . 6= 18 + 30= 48*Vận dụng:*a) Quãng đường người đó đi được trong 3 giờ đầu là:14 $×$ 3 = 42 (km)Quãng đường người đó đi được trong 2 giờ sau là:9 $×$ 2 = 18 (km)b) Quãng đường người dó đi được trong 5 giờ là:42 + 18 = 60 (km) Đáp số: 60km.***\* Chú ý:***Trong một biểu thức có thể có chứa chữ. Để tính giá trị của biểu thức đó khi cho giá trị của các chữ, ta thay thế giá trị đã cho vào biểu thức rồi tính giá trị của biểu thức nhận được.*Luyện tập 2:*a) Biểu thức tính diện tích của HCN ABCD là: **2a2 + a** (đvdt)b) a = 3 => ShcnABCD = 2. 12 + 1 = 2.1 + 1 = 2 + 1 = 3 ( cm2) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (7 phút)

**a) Mục tiêu:**Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập:* **Luyện tập***,***Bài 1.46/ SGK**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án.*

**Bài 1.46**

**a.** 235 + 78 – 142 = 313 – 142 = 171

**b.** 14 + 2 . 82 = 14 + 2. 64 = 14 + 128 = 142

**c.** { 23 + [ 1 + ( 3 – 1)2]} : 13 = { 8 + [ 1 + 22]} : 13 = { 8 + [ 1 + 4]} : 13

= { 8 + 5} : 13 = 13 : 13 = 1

**-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**(7 phút)

**a) Mục tiêu:**Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để và khắc sâu kiến thức.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập vận dụng :* **Bài 1.48 ; Bài 1.49**

**Bài 1.49 :**

18. 350 + (105 – 30-18).170+ 30.(105-30)

Diện tích sàn cần lát : ( 105 – 30) m2;

Tổng tiền công là : (105-30). 30 ( nghìn đồng) ;

18m2 gỗ loại 1 có giá : 18. 350 ( nghìn đồng) ;

Còn lại [(105-30)-18] m2 gỗ loại 2 có giá là : [(105-30)-18].170 (nghìn đồng)

Tổng chi phí : (105-30). 30 + 18. 350 + [(105-30) -18].170 = 18 240 ( nghìn đồng)

Đáp số :18 240 000 đồng.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**(2phút)

**1. Nhiệm vụ cá nhân**

- Ôn lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học từ Bài 1 đến Bài 7.

- Xem trước các bài tập phần Luyện tập chung và Ôn tập chương I.

- Làm trước các bài tập **1.50; 1.52; 1.53; 1.56.**

**2. Nhiệm vụ theo tổ**

- Thiết kế sơ đồ tư duy theo sáng tạo riêng của mỗi nhóm để tổng hợp kiến thức từ Bài 1 -> Bài 7 ( GV hướng dẫn 4 nhóm các nội dung lớn cần hoàn thành) trình bày ra giấy A0 hoặc A1 và báo cáo vào buổi học sau.